

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20-3-2018

V/v: “*Không công nhận vợ chồng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vương Xuân Tượng

Ông Păng Ting Nôck

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 về việc “*Không công nhận vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mai Tr, sinh năm: 1973

Địa chỉ: đường B, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Phùng Ngọc T, sinh năm: 1974

Địa chỉ: đường H, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà Tr có mặt, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì:

Trước đây, bà Tr và ông Phùng Ngọc T có quan hệ tình cảm yêu thương nhau. Do điều kiện gia đình nên bà Tr và ông T không đăng ký kết hôn theo quy định, cũng không không tổ chức lễ cưới theo phong tục. Đến năm 2009, bà Tr và ông T có 01 con chung. Thời gian qua, tuy không sống chung với nhau nhưng ông T vẫn tới lui và có trách nhiệm đưa đón con chung đi học, thực hiện trách nhiệm của một người cha. Tuy nhiên, hiện nay tình cảm không còn, cả hai không thể tiếp

tục duy trì cuộc sống chung và để mỗi người có cuộc sống riêng của mình, cũng như để đảm bảo quyền lợi của con, nên bà Tr làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận bà và ông T không phải là vợ chồng.

- *Về con chung*: Bà Tr xác định giữa bà và ông T có 01 con chung là Phùng Nguyễn Mai A, sinh ngày 11/5/2009, hiện đang ở với bà Tr, nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến tuổi trưởng thành. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Tr xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai của bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì:

Ông Phùng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Mai Tr chung sống với nhau khoảng hơn 10 năm nhưng không đăng ký kết hôn, không chung sống cùng một nhà. Ông vẫn thường xuyên lui tới thăm và đưa đón con đi học. Nay bà Tr yêu cầu Tòa án công nhận ông và bà Tr không phải là vợ chồng thì ông không có ý kiến gì, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định.

- *Về con chung*: Ông T xác định ông và bà Tr có 01 con chung là Phùng Nguyễn Mai A, sinh ngày 11/5/2009, hiện đang ở với bà Tr, nên ông cũng đồng ý giao con cho bà Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do ông T vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Mai Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu không công nhận bà và ông T là vợ chồng, đồng thời yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành; không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, ông Phùng Ngọc T có bản tự khai trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà Tr. Tuy nhiên, tại giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay ông T được triệu tập hợp lệ nhưng ông T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân

dân thành phố Đ có thẩm quyền giải quyết vụ án và tiến hành xét xử vắng mặt ông Tùng.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà Nguyễn Thị Mai Tr và ông Phùng Ngọc T sống với nhau từ năm 2009; không đăng ký kết hôn. Hiện nay bà Tr và ông T không sống chung một nhà; không đồng quan điểm sống và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do bà Tr và ông T chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tr, tuyên bố bà Tr và ông T không phải là vợ chồng là phù hợp.

- *Về con chung:* Bà Tr và ông T xác định có 01 con chung là Phùng Nguyễn Mai A, sinh ngày 11/5/2009. Bà Tr yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, hiện nay Phùng Nguyễn Mai A đang sống với bà Tr; tại giai đoạn chuẩn bị xét xử ông T cũng đồng ý giao con chung cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành nên giao con chung cho bà Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Mai A.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do bà Tr không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Cả hai xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Mai Tr phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Không công nhận vợ chồng*” của bà Nguyễn Thị Mai Tr. Tuyên bố bà Nguyễn Thị Mai Tr và ông Phùng Ngọc T không phải là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Mai Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Phùng Nguyễn Mai A, sinh ngày 11/5/2009 cho đến tuổi trưởng thành.

Việc quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, cấp dưỡng nuôi con và thăm nom con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Mai Tr phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà Tr đã tạm nộp theo biên lai thu số 0004357 ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà L. Bà Tr đã nộp đủ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Tr sẽ có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng ông T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản sao hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS T.P Đ;
- Thi hành án;
- Các đương sự;
- Lưu HS, THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền

